

Số: **42/2020/QĐST-HNGĐ**

Sơn Dương, ngày 08 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 87/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vương Thị Hương L., sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 13, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Trần Văn Đ., sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vương Thị Hương L. và anh Trần Văn Đ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 08/9/2012 và cháu Trần Minh H1, sinh ngày 04/02/2016 cho Chị Vương Thị Hương L. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn Đ. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng một tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng/ 01 tháng/ 01 cháu). Phương thức cấp

đường được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 12/2020 cho đến khi cháu Trần Minh H. và cháu Trần Minh H1. đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn Đ. có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày chị có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản, đất đai: Chị Vương Thị Hương L. và anh Trần Văn Đ. xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Vương Thị Hương L. và anh Trần Văn Đ. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Chị Vương Thị Hương L. phải nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003676, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; trả lại cho chị L. số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Trần Văn Đ. không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- THADS huyện SD;
- UBND xã H, thị xã P;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến